

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Bản mô tả chương trình đào tạo Chuyên khoa I chuyên ngành Nhi khoa cập nhật năm 2022

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC

Căn cứ Nghị định số 31/CP ngày 04/4/1994 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BGDĐT ngày 14/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 08/QĐ-HĐTTĐHYD ngày 10/8/2020 của Hội đồng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 2672/QĐ-ĐHYD ngày 28/12/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy định rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật chương trình đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 610/QĐ-ĐHYD ngày 09/04/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên về việc ban hành mẫu Bản mô tả chương trình đào tạo và Đề cương chi tiết học phần;

Căn cứ Công văn số 1398/ĐHYD-TTKT ngày 22/10/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên về việc thống nhất cách viết mục tiêu, chuẩn đầu ra CTĐT sau đại học theo mẫu chung;

Xét đề nghị của Trường phòng Thanh tra - Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Bản mô tả chương trình đào tạo Chuyên khoa I chuyên ngành Nhi khoa cập nhật năm 2022 (kèm theo).

Điều 2. Các Ông (Bà) Trưởng các Khoa, Phòng chức năng và Bộ môn liên quan tổ chức xây dựng đề cương chi tiết các học phần thuộc chương trình đào tạo; áp dụng từ năm học 2021-2022.

Điều 3. Các Ông (Bà) Trưởng các Khoa, Phòng chức năng và Bộ môn liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận: *ker*

- Ban Giám hiệu (để b/c);
- Như Điều 3;
- Website trường;
- Lưu: VT, ĐT, TT-KT.



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Nguyễn Tiến Dũng

**BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
CHUYÊN KHOA I CHUYÊN NGÀNH NHI KHOA**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 249/QĐ/ĐHYD ngày 11 tháng 2 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên)*

I. Thông tin chung (General Information)

1. Tên trường/cơ sở cấp bằng: *Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên.*
2. Cơ sở đào tạo, giảng dạy: *Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên.*
3. Tên chương trình đào tạo
 - Tên tiếng Việt: *Chuyên khoa I, chuyên ngành Nhi khoa*
 - Tên tiếng Anh: *The First Level Specialist in Pediatrics*
4. Thông tin về kiểm định: *Trường đã được cấp Giấy chứng nhận cơ sở giáo dục đạt tiêu chuẩn chất lượng theo Quyết định số 128/QĐ-HĐKĐCLGD ngày 25/12/2017 của Giám đốc Trung tâm kiểm định chất lượng - Hiệp hội Các trường đại học cao đẳng Việt Nam*
5. Trình độ đào tạo: *Chuyên khoa I*
6. Ngành đào tạo: *Nhi khoa*
7. Mã ngành đào tạo: *CK 60 72 16*
8. Thời gian đào tạo: *3 năm*
9. Ngôn ngữ đào tạo: *Tiếng Việt*
10. Hình thức đào tạo: *Tập trung theo đợt*
11. Danh hiệu văn bằng
 - Tên tiếng Việt: *Chuyên khoa I, chuyên ngành Nhi khoa*
 - Tên tiếng Anh: *The First Level Specialist in Pediatrics*

II. Mục tiêu chương trình đào tạo (Program Educational Objective - PEO)

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu <i>Sau khi hoàn thành chương trình đào tạo, người học đạt được các mục tiêu sau:</i>	Phù hợp		
		<i>Sứ mạng</i>	<i>Tâm nhìn</i>	<i>Luật Giáo dục Đại học</i>
I. Kiến thức				
PEO 1	Vận dụng hiệu quả kiến thức về khoa học cơ bản, cơ sở ngành, chuyên ngành và phương pháp giảng dạy lâm sàng trong thực hành nghề nghiệp.	x	x	x

II. Kỹ năng				
PEO 2	Thực hiện thành thạo các kỹ năng: Chẩn đoán, điều trị, theo dõi, tiên lượng, dự phòng một số cấp cứu và các bệnh Nhi khoa thường gặp.	x	x	x
PEO 3	Giao tiếp, truyền đạt và phối hợp hiệu quả với đồng nghiệp để triển khai các hoạt động chuyên môn nghề nghiệp.	x	x	x
III. Mức tự chủ và trách nhiệm				
PEO 4	Hoàn toàn chịu trách nhiệm cá nhân trước các quyết định chuyên môn và ứng xử nghề nghiệp. Chủ động học tập, nghiên cứu, quản lý, hướng dẫn, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn nghề nghiệp.	x	x	x

III. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (Program Learning Outcome - PLO)

Chuẩn đầu ra	Mô tả chuẩn đầu ra <i>Ngay khi kết thúc quá trình đào tạo, người học phải đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:</i>	Phân loại	
		Chuẩn đầu ra chung	Chuẩn đầu ra chuyên biệt
I. Kiến thức			
PLO 1	Vận dụng được kiến thức về triết học, phương pháp giảng dạy lâm sàng trong thực hành nghề nghiệp.	x	
PLO 2	Vận dụng hiệu quả kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành để chẩn đoán, điều trị, theo dõi, tiên lượng và dự phòng một số cấp cứu và các bệnh Nhi khoa thường gặp.		x
II. kỹ năng			
PLO3	Thực hiện thành thạo hỏi bệnh, khám bệnh, đánh giá sự tăng trưởng và phát triển ở trẻ em.		x

PLO 4	Chỉ định và phân tích đúng, đầy đủ phương pháp thăm dò chức năng và xét nghiệm phục vụ chẩn đoán, điều trị, theo dõi, tiên lượng một số cấp cứu và các bệnh Nhi khoa thường gặp.		x
PLO 5	Thực hiện thành thạo chẩn đoán, điều trị, theo dõi, dự phòng một số cấp cứu và các bệnh Nhi khoa thường gặp.		x
PLO 6	Thực hiện thành thạo một số thủ thuật, kỹ thuật cơ bản trong chẩn đoán, điều trị một số cấp cứu và các bệnh Nhi khoa thường gặp.		x
PLO 7	Giao tiếp, truyền đạt và phối hợp làm việc nhóm hiệu quả để thực hiện các hoạt động chuyên môn nghề nghiệp thuộc chuyên ngành Nhi khoa	x	
III. Mức tự chủ và trách nhiệm			
PLO 8	Hoàn toàn chịu trách nhiệm cá nhân trước các quyết định chuyên môn và ứng xử nghề nghiệp	x	
PLO 9	Chủ động trong học tập và đưa ra những sáng kiến có giá trị thực tiễn, ý nghĩa khoa học trong chuyên ngành Nhi khoa	x	
PLO 10	Tự định hướng, quản lý, đánh giá, cải tiến các hoạt động chuyên môn và hướng dẫn được đồng nghiệp, người học	x	

IV. Ma trận tương quan giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Mục tiêu chương trình đào tạo (PEO)	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)									
	PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10
PEO 1	x	x								
PEO 2			x	x	x	x				
PEO 3							x			
PEO 4	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

V. Thông tin tuyển sinh

1. Thông tin tuyển sinh

Điều kiện dự tuyển

Cá nhân tham gia dự tuyển CKI ngành Nhi khoa khi đạt các điều kiện sau:

- Tốt nghiệp đại học ngành bác sĩ đa khoa.
- Có chứng chỉ hành nghề (theo quy định tại Luật Khám chữa bệnh): thí sinh chỉ được dự thi sau khi có chứng chỉ hành nghề.

Đối với trường hợp đăng ký dự thi chuyên ngành khác với phạm vi hoạt động chuyên môn trong chứng chỉ hành nghề đã được cấp thì phải có xác nhận của Thủ trưởng cơ sở khám bệnh, chữa bệnh về thâm niên công tác tối thiểu 12 tháng trong chuyên ngành đăng ký dự thi (tính từ sau khi được cấp chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh với phạm vi hoạt động chuyên môn không tương ứng với chuyên ngành đăng ký dự thi).

- Lý lịch bản thân rõ ràng, không bị truy cứu hình sự.
- Có đủ sức khỏe để học tập (Theo Quy định hiện hành).

2. Điều kiện tốt nghiệp

- Hoàn thành, thi đạt toàn bộ chứng chỉ chuyên ngành và các môn chung, môn hỗ trợ.
- Không trong thời gian chịu thi hành kỷ luật.
- Hoàn thành nghĩa vụ tài chính đối với nhà trường.

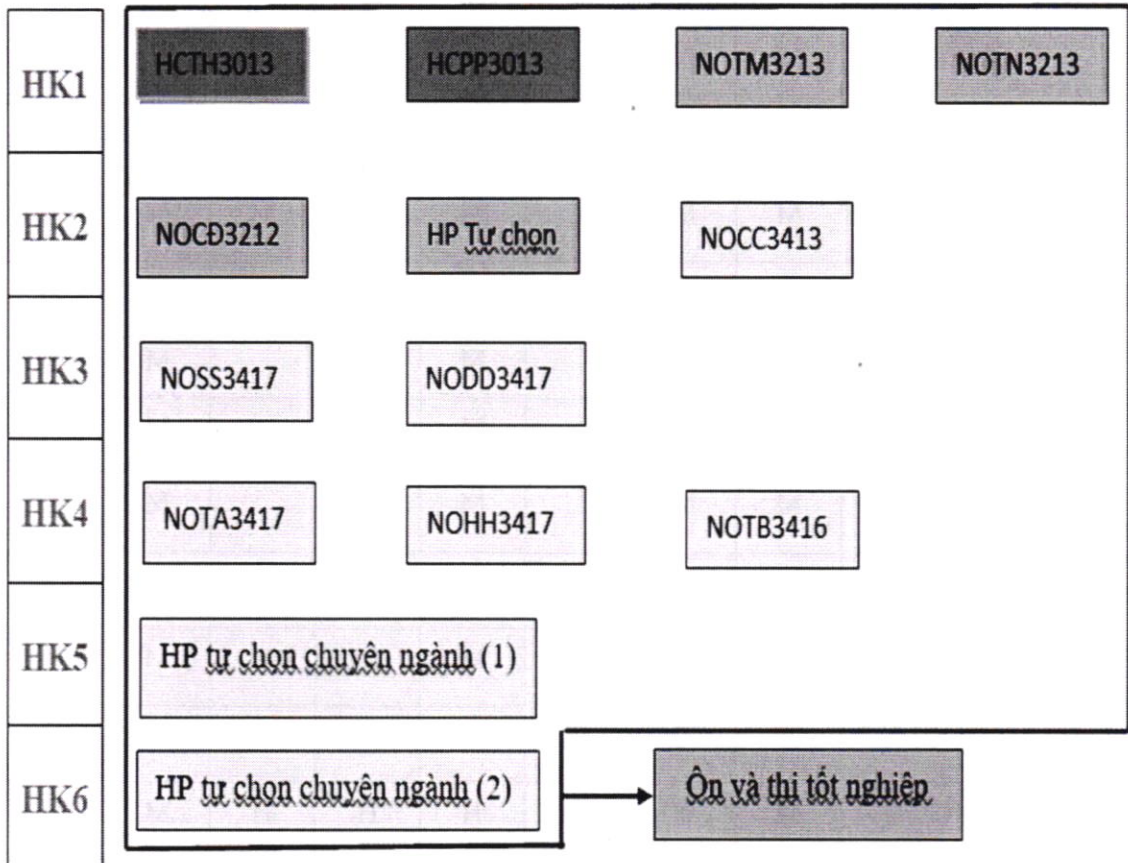
VI. Cấu trúc chương trình (Curriculum Structure)

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tổng số tín chỉ (%)	Số giờ tín chỉ			Mã HP học trước	Mã HP tiên quyết	Mã HP song hành	Kỳ học thuộc CTĐT
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
I	Khối kiến thức cơ bản : 6 (8,6%)									
1.1	Học phần/module bắt buộc: 6									
1	HCTH3013	Triết học	3 (3/0)	45	0	105				1
2	HCPP3013	Phương pháp giảng dạy lâm sàng	3(2/1)	30	30	90				1
II	Khối kiến thức cơ sở và hỗ trợ: 10 (14,3%)									
2.1	Học phần/module bắt buộc: 8 (11,4%)									
3	NOTM3213	Tai mũi họng	3(2/1)	30	30	90				1
4	NOTN3213	Truyền nhiễm	3 (1/2)	15	60	75				1
5	NOCD3212	Chẩn đoán hình ảnh	2 (1/1)	15	30	55				2
2.2	Học phần/Module tự chọn: 2 (2,9%) Người học tự chọn 1 trong 4 học phần									
6	NOSL3312	Sinh lý bệnh - Miễn dịch	2 (2/0)	30	0	70				2
7	NOPT3312	Phôi thai học	2 (2/0)	30	0	70				2
8	NODL3312	Da liễu	2 (1/1)	15	30	55				2
9	NOPH3312	Phục hồi chức năng	2 (1/1)	15	30	55				2
III	Khối kiến thức chuyên ngành: 51									
3.1	Học phần/module bắt buộc: 41 (58,6%)									
10	NOCC3417	Cấp cứu	7 (3/4)	45	120	185	HP I,II			2
11	NOSS3417	Sơ sinh	7 (3/4)	45	120	185	HP I,II			3
12	NODD3417	Dinh dưỡng-Tiêu hóa	7 (3/4)	45	120	185	HP I,II			3
13	NOTA3417	Tim mạch-Hô hấp	7 (3/4)	45	120	185	HP I,II			4

14	NOHH3417	Huyết học - tiết niệu	7 (3/4)	45	120	185	HP I,II			4
15	NOTB3416	Tâm bệnh - Thần kinh	6 (2/4)	30	120	150	HP I,II			4
3.2 Học phần/module tự chọn: 10 (14,3%). Người học tự chọn 2 trong 5 học phần										
16	NONT3515	Nội tiết - bệnh lý chuyển hóa di truyền	5 (2/3)	30	90	130	HP I,II, CN bắt buộc			5
17	NOSK3515	Sức khỏe vị thành niên	5 (2/3)	30	90	130	HP I,II CN bắt buộc			6
18	NOXH3515	Nhi xã hội- Nhi học đường	5(2/3)	30	90	130	HP I,II, CN bắt buộc			6
19	NOXT3515	Xử trí lồng ghép trẻ bệnh	5 (1/4)	15	120	115	HP I,II, CN bắt buộc			6
20	NONN3515	Ngoại Nhi	5 (2/3)	30	90	130	HP I,II CN bắt buộc			6
IV Ôn và thi tốt nghiệp: 3 (4,3%)										
21	NOTN3613	Ôn và thi TN	3(1/2)	15	60	75		HP I, II, III		6

VII. Tiến trình dạy học (Curriculum Mapping)

Chuyên khoa 1



Ghi chú:

Khôi kiến thức cơ bản

→ Điều kiện tiên quyết

Khôi kiến thức cơ sở ngành

Khôi kiến thức chuyên ngành

Ôn và thi tốt nghiệp

VIII. Mức độ đóng góp của các học phần vào chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

TT	Mã HP	Chuẩn đầu ra của học phần (PLO)									
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	HCTH3013	M	L					L		H	H
2	HCPP3013	M	M					M		H	H
3	NOTM3213	M	M	L	M	M	M	M	M	H	H
4	NOTN3213	M	M	L	M	M	M	M	M	H	H
5	NOCD3212	M	M		M	M		M	M	H	H
6	NOSL3312	M	M		M	L		M	L	H	H
7	NOPT3312	M	M		M	L		M	L	H	H
8	NODL3312	M	M	L	M	M	L	M	M	H	H
9	NOPH3312	M	M	L	M	M	L	M	M	H	H
10	NOCC3417	M	H	H	H	H	H	M	H	H	H
11	NOSS3417	M	H	H	H	H	H	M	H	H	H
12	NODD3417	M	H	H	H	H	M	M	H	H	H
13	NOTA3417	M	H	H	H	H	M	M	H	H	H
14	NOHH3417	M	H	H	H	H	M	M	H	H	H
15	NOTB3436	M	H	H	H	H	M	M	H	H	H
16	NONT3515	M	H	H	H	H	M	M	H	H	H
17	NOSK3515	M	H	H	H	H	M	M	H	H	H
18	NOXH3515	M	H	H	H	H	M	M	H	H	H
19	NOXT3515	M	H	H	H	H	M	M	H	H	H
20	NONN3515	M	H	H	H	H	M	M	H	H	H
21	NOTN3613	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H

IX. Ma trận tương quan giữa phương pháp dạy-học và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Phương pháp giảng dạy	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)									
	PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10
Thuyết trình	x	x								
Dạy học nhóm nhỏ	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
Dạy - học theo nghiên cứu trường hợp	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
Dạy - học bằng phương pháp đóng vai			x				x	x		
Dạy - học bên giường bệnh			x	x	x	x	x	x	x	x
Dạy - học bằng bảng kiểm			x			x	x			

X. Đánh giá kết quả học tập (Learning Assessment)

1. Hình thức, nội dung đánh giá

Hình thức đánh giá		Tiêu chí đánh giá	Trọng số (%)
Chuyên cần	Lý thuyết	Dự lớp 100% tổng số thời lượng của học phần; chuẩn bị thảo luận; hoàn thành các bài tập được giao	10%
	Thực hành	Dự lớp 100% tổng số thời lượng của học phần; chuẩn bị bài, thảo luận, nộp sản phẩm, tham gia lượng giá mỗi bài thực hành.	10%

Hình thức đánh giá		Tiêu chí đánh giá	Trọng số (%)
Kiểm tra thường xuyên	Lý thuyết	Giải quyết tình huống (chấm theo đáp án)	10%
	Thực hành	Chỉ tiêu thực hành (chấm bằng bảng kiểm)	10%
Thi giữa kỳ	Lý thuyết	Giải quyết tình huống (chấm theo đáp án)	30%
	Thực hành	Trung bình cộng của lượng giá chỉ tiêu thực hành và giải quyết tình huống	30%
Kết thúc học phần	Lý thuyết	Báo cáo chuyên đề (chấm bằng bảng kiểm)	50%
	Thực hành	Thi trên bệnh nhân (chấm bằng bảng kiểm)	50%

2. Ma trận tương quan giữa phương pháp đánh giá và chuẩn đầu ra CTĐT

Phương pháp đánh giá	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)									
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
Tự luận (giải quyết tình huống)	x	x		x	x			x	x	x
Báo cáo chuyên đề	x	x					x	x	x	x
Làm bệnh án		x	x	x	x		x	x	x	x
Chỉ tiêu thực hành			x	x	x	x	x	x	x	x
Kỹ năng thực hành trên người bệnh			x	x	x	x	x	x	x	x

XI. Đối sánh (Benchmarking)

1. Đối sánh với các chương trình đào tạo trong và ngoài nước

CTĐT đã được đối sánh với các CTĐT của các trường Đại học trong và ngoài nước cùng chuyên ngành làm cơ sở xây dựng CTĐT:

Mô tả	Trường ĐHYD Huế (2016)		Trường ĐHYD Hải Phòng (2014)		Trường ĐHYD TP HCM (2017)		Trường ĐHYD Thái Nguyên (2021)	
	Đơn vị học trình	Tỉ lệ (%)	Đơn vị học trình	Tỉ lệ (%)	Đơn vị học trình	Tỉ lệ (%)	Tín chỉ	Tỉ lệ (%)
Kiến thức cơ bản	20	19,4	23	23	0	0	6	8,6
Kiến thức cơ sở ngành	10	9,7	11	11	16	21,00	10	14,3
Kiến thức chuyên ngành	63	61,2	58	58	60	79,00	41	58,6
Tự chọn	0	0	0	0			10	14,3
Tốt nghiệp	10	9,7	8,0	8,0			3	4,3
Tổng	103	100	100	100	76	100	70	100

XII. Mô tả tóm tắt các học phần/module thuộc chương trình đào tạo

A. Khối kiến thức cơ bản

1. Học phần Triết học

Học phần Triết học thuộc khối kiến thức cơ bản được dạy- học ở kỳ học 1 của CTĐT. Học phần này sẽ trang bị cho người học những nội dung cơ bản gắn liền với những thành tựu của khoa học-công nghệ, với những vấn đề của thời đại và của thực tiễn đất nước đang đặt ra trong quá trình xây dựng và đổi mới. Phương pháp giảng: thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm. Phương pháp lượng giá học phần là báo cáo chuyên đề. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 2,7 (mức độ thấp), chuẩn đầu ra 1 (mức độ trung bình), chuẩn đầu ra 9,10 (mức độ cao) của chương trình đào tạo BSCK I chuyên ngành Nhi khoa.

2. Học phần Phương pháp giảng dạy lâm sàng

Học phần Phương pháp giảng dạy lâm sàng thuộc khối kiến thức cơ bản, được dạy – học ở kỳ học 1 của CTĐT. Học phần này sẽ trang bị cho người học phương pháp dạy-học lâm sàng để trở thành người giáo viên giảng dạy thực hành, Các phương pháp dạy học chủ yếu là thuyết trình, đóng vai. Các phương pháp kiểm tra, đánh giá người học bao gồm thảo luận nhóm, bài tập nhóm, trình bày bài giảng thử theo nhóm nhỏ. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 1,2,7 (mức độ trung bình), chuẩn đầu ra 9,10 (mức độ cao) của chương trình đào tạo BSCK I chuyên ngành Nhi khoa.

B. Khối kiến thức cơ sở và hỗ trợ

3. Học phần Tai mũi họng

Học phần Tai – Mũi – Họng thuộc khối kiến thức cơ sở và hỗ trợ, được dạy- học ở kỳ học 1 của CTĐT. Học phần này sẽ củng cố và nâng cao cho người học kiến thức về chẩn đoán và điều trị các bệnh Tai – Mũi – Họng ở trẻ em. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm phương pháp trắc nghiệm, chấm tiểu luận, chuyên đề. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra số 3 (mức độ thấp), chuẩn đầu ra 1,2,4,5,6,7,8 (mức độ trung bình), chuẩn đầu ra 9,10 (mức độ cao) của chương trình đào tạo BSCK I chuyên ngành Nhi khoa.

4. Học phần Truyền nhiễm

Học phần Truyền nhiễm thuộc khối kiến thức cơ sở và hỗ trợ, được dạy- học ở kỳ học 1 của CTĐT. Học phần này sẽ củng cố và nâng cao cho người học kiến thức về chẩn đoán và điều trị các bệnh truyền nhiễm ở trẻ em. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm phương pháp trắc nghiệm, chấm tiểu luận, chuyên đề. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra số 3 (mức độ thấp), chuẩn đầu ra 1,2,4,5,6,7,8 (mức độ trung bình), chuẩn đầu ra 9,10 (mức độ cao) của chương trình đào tạo BSCK I chuyên ngành Nhi khoa.

5. Học phần Chẩn đoán hình ảnh

Học phần chẩn đoán hình ảnh thuộc khối kiến thức cơ sở và hỗ trợ, được dạy- học ở kỳ học 2 của CTĐT. Học phần này sẽ củng cố và nâng cao cho người học năng lực cơ bản về chẩn đoán hình ảnh. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm. Các phương pháp lượng giá người học bao gồm phương pháp trắc nghiệm, vấn đáp

theo bảng kiểm. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 1,2,4,5,7,8 (mức độ trung bình), chuẩn đầu ra 9,10 (mức độ cao) của chương trình đào tạo BSCK I chuyên ngành Nhi khoa.

6. Học phần Sinh lý bệnh-Miễn dịch

Học phần Sinh lý bệnh – Miễn dịch thuộc khối kiến thức cơ sở và hỗ trợ, được dạy- học ở kỳ học 2 của CTĐT. Học phần này sẽ củng cố và nâng cao cho người học kiến thức sinh lý bệnh miễn dịch. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm phương pháp trắc nghiệm, chấm tiểu luận, chuyên đề. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra số 5, 8 (mức độ thấp), chuẩn đầu ra 1,2,4,7 (mức độ trung bình), chuẩn đầu ra 9,10 (mức độ cao) của chương trình đào tạo BSCK I chuyên ngành Nhi khoa.

7. Học phần Phôi thai học

Học phần Phôi thai học thuộc khối kiến thức cơ sở và hỗ trợ, được dạy- học ở kỳ học 2 của CTĐT. Học phần này sẽ củng cố và nâng cao cho người học kiến thức về phôi thai học. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm phương pháp trắc nghiệm, chấm tiểu luận, chuyên đề. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra số 5, 8 (mức độ thấp), chuẩn đầu ra 1,2,4,7 (mức độ trung bình), chuẩn đầu ra 9,10 (mức độ cao) của chương trình đào tạo BSCK I chuyên ngành Nhi khoa.

8. Học phần Da liễu

Học phần Da liễu thuộc khối kiến thức cơ sở và hỗ trợ, được dạy- học ở kỳ học 2 của CTĐT. Học phần này sẽ củng cố và nâng cao cho người học kiến thức về chẩn đoán và điều trị các bệnh da liễu ở trẻ em. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm phương pháp trắc nghiệm, chấm tiểu luận, chuyên đề. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra số 3, 6 (mức độ thấp), chuẩn đầu ra 1,2,4,5,7,8 (mức độ trung bình), chuẩn đầu ra 9,10 (mức độ cao) của chương trình đào tạo BSCK I chuyên ngành Nhi khoa.

9. Học phần Phục hồi chức năng

Học phần Phục hồi chức năng thuộc khối kiến thức cơ sở và hỗ trợ, được dạy- học ở kỳ học 2 của CTĐT. Học phần này sẽ củng cố và nâng cao cho người học kiến thức về phục hồi chức năng. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm phương pháp trắc nghiệm,

chấm tiêu luận, chuyên đề. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra số 3, 6 (mức độ thấp), chuẩn đầu ra 1,2,4,5,7,8 (mức độ trung bình), chuẩn đầu ra 9,10 (mức độ cao) của chương trình đào tạo BSCK I chuyên ngành Nhi khoa.

C. Khối học phần chuyên ngành

10. Học phần Cấp cứu

Học phần cấp cứu là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành được dạy-học ở kỳ học 2 của chương trình đào tạo. Học phần này trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng phân loại, chẩn đoán, xử trí, theo dõi, tiên lượng, dự phòng và thực hiện một số thủ thuật, kỹ thuật cấp cứu Nhi khoa thường gặp. Đồng thời người học cũng được trang bị kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, tự chủ, tự chịu trách nhiệm về năng lực của mình trong hoạt động chuyên môn, nghề nghiệp. Phương pháp dạy-học chủ yếu bằng thuyết trình, thảo luận nhóm, nghiên cứu trường hợp, đóng vai, dạy-học bên giường bệnh, dạy-học bằng bảng kiểm. Phương pháp lượng giá người học thông qua giải quyết các tình huống lâm sàng, báo cáo chuyên đề, chỉ tiêu thực hành, vấn đáp tình huống trên bệnh nhân, thực hành thủ thuật có bảng kiểm, đánh giá ý thức, thái độ tham gia học tập của người học. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 1,7 (mức độ trung bình), chuẩn đầu ra 2,3,4,5,6,8,9,10 (mức độ cao) của chương trình đào tạo.

11. Học phần Sơ sinh

Học phần Sơ sinh là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành được dạy-học ở kỳ học 3 của chương trình đào tạo. Học phần này trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng phân loại, chẩn đoán, xử trí, theo dõi, tiên lượng, dự phòng và thực hiện một số thủ thuật, kỹ thuật sơ sinh thường gặp. Đồng thời người học cũng được trang bị kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, tự chủ, tự chịu trách nhiệm về năng lực của mình trong hoạt động chuyên môn, nghề nghiệp. Phương pháp dạy-học chủ yếu bằng thuyết trình, thảo luận nhóm, nghiên cứu trường hợp, đóng vai, dạy-học bên giường bệnh, dạy-học bằng bảng kiểm. Phương pháp lượng giá người học thông qua giải quyết các tình huống lâm sàng, báo cáo chuyên đề, chỉ tiêu thực hành, vấn đáp tình huống trên bệnh nhân, thực hành thủ thuật có bảng kiểm, đánh giá ý thức, thái độ tham gia học tập của người học. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 1,7 (mức độ trung bình), chuẩn đầu ra 2,3,4,5,6,8,9,10 (mức độ cao) của chương trình đào tạo.

12. Học phần Dinh dưỡng-Tiêu hóa

Học phần Dinh dưỡng-Tiêu hóa là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành được dạy-học ở kỳ học 3 của chương trình đào tạo. Học phần này trang bị cho học viên kiến thức, kỹ năng chẩn đoán, xử trí, theo dõi, tiên lượng, dự phòng và thực hiện một số thủ thuật, kỹ thuật Dinh dưỡng-Tiêu hóa thường gặp. Đồng thời người học cũng được trang bị kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, tự chủ, tự chịu trách nhiệm về năng lực của mình trong hoạt động chuyên môn, nghề nghiệp. Phương pháp dạy-học chủ yếu bằng thuyết trình, thảo luận nhóm, nghiên cứu trường hợp, đóng vai, dạy-học bên giường bệnh, dạy-học bằng bảng kiểm. Phương pháp lượng giá người học thông qua giải quyết các tình huống lâm sàng, báo cáo chuyên đề, chỉ tiêu thực hành, vấn đáp tình huống trên bệnh nhân, thực hành thủ thuật có bảng kiểm, đánh giá ý thức, thái độ tham gia học tập của người học. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 1,6,7 (mức độ trung bình), chuẩn đầu ra 2,3,4,5,8,9,10 (mức độ cao) của chương trình đào tạo.

13. Học phần Tim mạch-Hô hấp

Học phần Tim mạch-Hô hấp là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành được dạy-học ở kỳ học 4 của chương trình đào tạo. Học phần này trang bị cho học viên kiến thức, kỹ năng chẩn đoán, xử trí, theo dõi, tiên lượng, dự phòng và thực hiện một số thủ thuật, kỹ thuật Tim mạch-Hô hấp thường gặp. Đồng thời người học cũng được trang bị kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, tự chủ, tự chịu trách nhiệm về năng lực của mình trong hoạt động chuyên môn, nghề nghiệp. Phương pháp dạy-học chủ yếu bằng thuyết trình, thảo luận nhóm, nghiên cứu trường hợp, đóng vai, dạy-học bên giường bệnh, dạy-học bằng bảng kiểm. Phương pháp lượng giá người học thông qua giải quyết các tình huống lâm sàng, báo cáo chuyên đề, chỉ tiêu thực hành, vấn đáp tình huống trên bệnh nhân, thực hành thủ thuật có bảng kiểm, đánh giá ý thức, thái độ tham gia học tập của người học. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 1,6,7 (mức độ trung bình), chuẩn đầu ra 2,3,4,5,8,9,10 (mức độ cao) của chương trình đào tạo.

14. Học phần Huyết học-Tiết niệu

Học phần Huyết học-Tiết niệu là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành được dạy-học ở kỳ học 4 của chương trình đào tạo. Học phần này trang bị cho học viên kiến thức, kỹ năng chẩn đoán, xử trí, theo dõi, tiên lượng, dự phòng và thực hiện một số thủ thuật, kỹ thuật Huyết học-Tiết niệu thường gặp. Đồng thời người

học cũng được trang bị kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, tự chủ, tự chịu trách nhiệm về năng lực của mình trong hoạt động chuyên môn, nghề nghiệp. Phương pháp dạy-học chủ yếu bằng thuyết trình, thảo luận nhóm, nghiên cứu trường hợp, đóng vai, dạy-học bên giường bệnh, dạy-học bằng bảng kiểm. Phương pháp lượng giá người học thông qua giải quyết các tình huống lâm sàng, báo cáo chuyên đề, chỉ tiêu thực hành, vấn đáp tình huống trên bệnh nhân, thực hành thủ thuật có bảng kiểm, đánh giá ý thức, thái độ tham gia học tập của người học. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 1,6,7 (mức độ trung bình), chuẩn đầu ra 2,3,4,5, 8,9,10 (mức độ cao) của chương trình đào tạo.

15. Học phần Tâm bệnh-Thần kinh

Học phần Tâm bệnh-Thần kinh là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành được dạy-học ở kỳ học 5 của chương trình đào tạo. Học phần này trang bị cho học viên kiến thức, kỹ năng chẩn đoán, xử trí, theo dõi, tiên lượng, dự phòng và thực hiện một số thủ thuật, kỹ thuật Tâm bệnh-Thần kinh thường gặp. Đồng thời người học cũng được trang bị kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, tự chủ, tự chịu trách nhiệm về năng lực của mình trong hoạt động chuyên môn, nghề nghiệp. Phương pháp dạy-học chủ yếu bằng thuyết trình, thảo luận nhóm, nghiên cứu trường hợp, đóng vai, dạy-học bên giường bệnh, dạy-học bằng bảng kiểm. Phương pháp lượng giá người học thông qua giải quyết các tình huống lâm sàng, báo cáo chuyên đề, chỉ tiêu thực hành, vấn đáp tình huống trên bệnh nhân, thực hành thủ thuật có bảng kiểm, đánh giá ý thức, thái độ tham gia học tập của người học. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 1,6,7 (mức độ trung bình), chuẩn đầu ra 2,3,4,5, 8,9,10 (mức độ cao) của chương trình đào tạo.

16. Học phần Nội tiết-Chuyển hóa di truyền

Học phần Nội tiết-Chuyển hóa di truyền là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành được dạy-học ở kỳ học 5 trong chương trình đào tạo. Học phần này trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng chẩn đoán, xử trí, theo dõi, tiên lượng, dự phòng và thực hiện một số thủ thuật, kỹ thuật Nội tiết-Chuyển hóa di truyền thường gặp. Đồng thời học viên cũng được trang bị kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, tự chủ, tự chịu trách nhiệm về năng lực của mình trong hoạt động chuyên môn, nghề nghiệp. Phương pháp dạy-học chủ yếu bằng thuyết trình, thảo luận nhóm, nghiên cứu trường hợp, đóng vai, dạy-học bên giường bệnh, dạy-học bằng bảng kiểm. Phương pháp

lượng giá người học thông qua giải quyết các tình huống lâm sàng, báo cáo chuyên đề, chỉ tiêu thực hành, vấn đáp tình huống trên bệnh nhân, thực hành thủ thuật có bảng kiểm, đánh giá ý thức, thái độ tham gia học tập của người học. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 1,6,7 (mức độ trung bình), chuẩn đầu ra 2,3,4,5, 8,9,10 (mức độ cao) của chương trình đào tạo.

17. Học phần Sức khỏe vị thành niên

Học phần Sức khỏe vị thành niên là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành được dạy-học ở kỳ học 6 của chương trình đào tạo. Học phần này trang bị cho học viên kiến thức, kỹ năng chẩn đoán, xử trí, theo dõi, tiên lượng, dự phòng và thực hiện một số thủ thuật, kỹ thuật Sức khỏe vị thành niên thường gặp. Đồng thời người học cũng được trang bị kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, tự chủ, tự chịu trách nhiệm về năng lực của mình trong hoạt động chuyên môn, nghề nghiệp. Phương pháp dạy-học chủ yếu bằng thuyết trình, thảo luận nhóm, nghiên cứu trường hợp, đóng vai, dạy-học bên giường bệnh, dạy-học bằng bảng kiểm. Phương pháp lượng giá người học thông qua giải quyết các tình huống lâm sàng, báo cáo chuyên đề, chỉ tiêu thực hành, vấn đáp tình huống trên bệnh nhân, thực hành thủ thuật có bảng kiểm, đánh giá ý thức, thái độ tham gia học tập của người học. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 1,6,7 (mức độ trung bình), chuẩn đầu ra 2,3,4,5, 8,9,10 (mức độ cao) của chương trình đào tạo.

18. Học phần Nhi khoa xã hội

Học phần Nhi khoa xã hội là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành được dạy-học ở kỳ học 6 trong chương trình đào tạo. Học phần này trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng chẩn đoán, xử trí, theo dõi, tiên lượng, dự phòng và thực hiện một số thủ thuật, kỹ thuật Nhi khoa xã hội thường gặp. Đồng thời học viên cũng được trang bị kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, tự chủ, tự chịu trách nhiệm về năng lực của mình trong hoạt động chuyên môn, nghề nghiệp. Phương pháp dạy-học chủ yếu bằng thuyết trình, thảo luận nhóm, nghiên cứu trường hợp, đóng vai, dạy-học bên giường bệnh, dạy-học bằng bảng kiểm. Phương pháp lượng giá người học thông qua giải quyết các tình huống lâm sàng, báo cáo chuyên đề, chỉ tiêu thực hành, vấn đáp tình huống trên bệnh nhân, thực hành thủ thuật có bảng kiểm, đánh giá ý thức, thái độ tham gia học tập của người học. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 1,6,7 (mức độ trung bình), chuẩn đầu ra 2,3,4,5,8,9,10 (mức độ cao) của chương trình đào tạo.

19. Học phần Xử trí lồng ghép trẻ bệnh

Học phần Xử trí lồng ghép trẻ bệnh là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành được dạy-học ở kỳ học 6 trong chương trình đào tạo. Học phần này trang bị cho học viên kiến thức, kỹ năng về đánh giá, phân loại, điều trị, tham vấn các bệnh thường gặp ở trẻ 0-5 tuổi. Đồng thời người học cũng được trang bị kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, tự chủ, tự chịu trách nhiệm về năng lực của mình trong hoạt động chuyên môn, nghề nghiệp. Phương pháp dạy-học chủ yếu bằng thuyết trình, thảo luận nhóm, nghiên cứu trường hợp, đóng vai, dạy-học bên giường bệnh, dạy-học bằng bảng kiểm. Phương pháp lượng giá người học thông qua giải quyết các tình huống lâm sàng, chỉ tiêu thực hành, vấn đáp tình huống trên bệnh nhân, thực hành thủ thuật có bảng kiểm, đánh giá ý thức, thái độ tham gia học tập của người học. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 1,6,7 (mức độ trung bình), chuẩn đầu ra 2,3,4,5, 8,9,10 (mức độ cao) của chương trình đào tạo.

20. Học phần Ngoại Nhi

Học phần Ngoại Nhi là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành được dạy-học ở kỳ học 6 trong chương trình đào tạo. Học phần này sẽ trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng về chẩn đoán, điều trị, theo dõi sau điều trị, tiên lượng các bệnh lý Ngoại nhi. Học phần còn trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng trong hướng dẫn đồng nghiệp, năng lực thảo luận, làm việc nhóm để rèn luyện mức tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong thực hành nghề nghiệp. Các phương pháp dạy học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận, giao ban, đi buồng, ca lâm sàng, hướng dẫn phẫu thuật/ thủ thuật/kỹ thuật về Ngoại nhi trên bệnh nhân. Các phương pháp kiểm tra, đánh giá người học bao gồm MCQ, tiểu luận, báo cáo chuyên đề, bệnh án, chỉ tiêu lâm sàng, thi kỹ năng thực hành trên người bệnh. Học phần này nhằm đáp ứng CĐR1, 2,3,4,5, ,8, 9, 10 (mức độ cao), CĐR 1,6,7 (mức độ trung bình) của chương trình BSKKI Nhi khoa.

21. Học phần Tốt nghiệp

Học phần Tốt nghiệp là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành được dạy-học ở kỳ học 6 trong chương trình đào tạo. Học phần này trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng phân loại, chẩn đoán, xử trí, theo dõi, tiên lượng, dự phòng và thực hiện một số thủ thuật, kỹ thuật một số cấp cứu và các bệnh Nhi khoa thường gặp. Đồng thời người học cũng được trang bị kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm

việc nhóm, tự chủ, tự chịu trách nhiệm về năng lực của mình trong hoạt động chuyên môn, nghề nghiệp. Phương pháp dạy-học chủ yếu bằng thuyết trình, thảo luận nhóm, nghiên cứu trường hợp, đóng vai, dạy-học bên giường bệnh, dạy-học bằng bảng kiểm. Phương pháp lượng giá người học thông qua giải quyết các tình huống lâm sàng, vấn đáp tình huống trên bệnh nhân, thi tay nghề (thủ thuật) có bảng kiểm, đánh giá ý thức, thái độ tham gia học tập của người học. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 1-10 (mức độ cao) của chương trình đào tạo





XIII. Đội ngũ giảng viên và cơ sở vật chất phục vụ chương trình đào tạo

Đội ngũ giảng viên gồm có 128 giảng viên tham gia giảng dạy CTĐT này, trong đó có 1 giáo sư, 12 phó giáo sư, 45 tiến sĩ, 20 thạc sĩ, 8 CKI, và 42 CKII. Người học học lý thuyết tại giảng đường, học thực hành tại các phòng thí nghiệm, bệnh viện thực hành như Bệnh viện Trường Đại học Y-Dược Thái Nguyên, Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên, Bệnh viện A Thái Nguyên và các bệnh viện thực hành khác.

Trường Đại học Y- Dược, Đại học Thái Nguyên có hệ thống giảng đường, phòng thí nghiệm, phòng thực hành, phòng nghiên cứu khá hiện đại, đáp ứng được yêu cầu học tập và tự nghiên cứu cho người học chuyên khoa I. Các đơn vị thành viên của Đại học Thái Nguyên đều được trang bị rất nhiều phương tiện hỗ trợ dạy học và nghiên cứu khoa học như phòng máy tính đa năng, hệ thống đường truyền kết nối internet đến từng phòng học và phòng thí nghiệm - thực hành. Phòng thí nghiệm và thực hành được trang bị thiết bị phục vụ học tập và nghiên cứu (máy vi tính, máy chiếu projector, các thiết bị phục vụ thực tế chuyên môn). Các bệnh viện thực hành của Trường Đại học Y-Dược Thái Nguyên khá đầy đủ về cơ sở vật chất, trang thiết bị, nguồn nhân lực... đáp ứng được yêu cầu đào tạo chuyên khoa I.

XIV. Ngày phê duyệt lần đầu:

XV. Tiến trình cập nhật

TT	Tóm tắt nội dung cập nhật	Ngày cập nhật	Tổ trưởng tổ rà soát (Ký, ghi rõ họ tên)	Trưởng khoa/ Bộ môn (Ký, ghi rõ họ tên)
1	Sửa lại bản mô tả CTĐT theo mẫu mới ban hành tại Quyết định số 610/QĐ-ĐHYD ngày 09/4/2021	20/4/2021	 Lê Thị Kim Dung	 Nguyễn Thị Xuân Hương
2	Sửa lại mục tiêu, chuẩn đầu ra, mã HP và rà soát các nội dung liên quan đến CDR theo hướng dẫn Công văn số 1398/ĐHYD-TTKT	6/10/2021	 Lê Thị Kim Dung	 Nguyễn Thị Xuân Hương


XVI. Thành phần phê duyệt

Ban Giám hiệu




HIỆU TRƯỞNG
PGS.TS. Nguyễn Tiến Dũng

Hội đồng Khoa/Bộ môn



Nguyễn Thị Xuân Hương

**Tổ trưởng xây dựng/
rà soát**



Lê Thị Kim Dung

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC



BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
CHUYÊN KHOA I CHUYÊN NGÀNH NHI KHOA

THÁI NGUYÊN, NĂM 2022